

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Châu Thành, ngày 11 tháng 12 năm 2023

Số: 469/2023/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 622/2023/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Anh **Nguyễn Hữu S**, sinh năm 1993; địa chỉ: **B, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

2. Chị **Võ Thị Hương L**, sinh năm 1997; địa chỉ: **B, ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn thuận tình ly hôn đề ngày 27/10/2023 của chị **Võ Thị Hương L** và anh **Nguyễn Hữu S**, anh chị cùng trình bày:

Chị **L** và anh **S** tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **A, huyện C, tỉnh Bến Tre**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, tuy nhiên đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cự cãi. Nay chị **L** và anh **S** xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn. Chị **L** và anh **S** không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị **L** và anh **S** trình bày giữa anh chị có 02 con chung là **Nguyễn Xuân V**, sinh ngày 23/5/2014 và **Nguyễn Ngọc Xuân V1**, sinh ngày 16/02/2018. Khi ly hôn, chị **L** và anh **S** thống nhất, chị **L** nuôi con, anh **S** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **L** và anh **S** khai không có.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 04/12/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Võ Thị Hương L** và anh **Nguyễn Hữu S** thuận tình ly hôn. chị **Võ Thị Hương L** và anh **Nguyễn Hữu S** không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là **Nguyễn Xuân V**, sinh ngày 23/5/2014 và **Nguyễn Ngọc Xuân V1**, sinh ngày 16/02/2018, chị **L** trực tiếp nuôi 02 con chung, anh **S** không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Hai bên khai không có, không yêu cầu giải quyết.

2. *Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị **Võ Thị Hương L** và anh **Nguyễn Hữu S** mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà Chị **Võ Thị Hương L** đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001563 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị **Võ Thị Hương L** và anh **Nguyễn Hữu S** đã nộp lệ phí xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN THỊ THANH LAN